

CHỦ ĐỀ 1: CHÍNH TẢ

BÀI TẬP

Bài 1. Em hãy chọn từ viết sai chính tả dưới đây:

- A. xáng xủa
- B. Xung phong
- C. Xôn xao
- D. Xếp hàng

Bài 2. Điền c hoặc k vào chỗ trống:



nấuơ

A. c

B. k

Bài 3. Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

- A. cái trời
- B. cái triều
- C. trẻ chung
- D. trầu cau

Bài 4. Điền chữ v hoặc d vào chỗ trống?



...ấy tay

A. d

B. v

Bài 5. Em hãy chọn từ viết đúng chính tả dưới đây:

A. giọt xương

B. suất hiện

C. tóc xoắn

D. sáu xí

Bài 6. Em hãy gạch chân vào từ viết đúng chính tả trong ngoặc dưới đây:

Chú chuồn chuồn ớt (sau / xau) khi khoác lên mình bộ cánh (xinh / sinh) đẹp đã bay đi (ngao / nghao) du khắp nơi: đến những hồ nước (trong / chong) veo với hai bờ cây xanh thắm, đến những cánh đồng mênh mông với những đàn (châu / trâu) thung thăng gặm cỏ, những dòng sông với những (đoàn / đàn) thuyền ngược xuôi.

Bài 7. Điền vào chỗ chấm l hay n:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

...on xanh ...ước biếc như tranh hoạ đồ.

Bài 8. Điền dấu hỏi hay dấu ngã vào những chữ in đậm trong câu sau cho thích hợp:

Hằng ngày, các bạn **tre** cần năng tập thể dục, tắm **rửa** sạch **se đê** cho thân **thê** được **khoe** mạnh.

Bài 9. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào từng chỗ trống để tạo từ:

a) ngày, mắ n, ho a, mắ c. (má i, má y)

b) xe, nh à, g à, mó c. (má i, má y)

Bà i 10.

a) Viế t họ và tên 2 ngườ i bạn thân của em:

.....

b) Viế t lại tên trường em đang học:

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài 1. Em hãy chọn từ viết sai chính tả dưới đây:

- A. xáng xủa
- B. Xung phong
- C. Xôn xao
- D. Xếp hàng

Phương pháp giải:

Em kiểm tra từng từ xem từ nào đúng chính tả và có nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Từ viết sai chính tả là: xáng xủa.

Từ viết đúng chính tả là: xung phong, xôn xao, xếp hàng.

Đáp án A.

Bài 2. Điền c hoặc k vào chỗ trống:



nấuơ

A. c

B. k

Phương pháp giải:

Em dựa vào hình ảnh xác định nghĩa của cụm từ cần điền.

Lời giải chi tiết:

Chữ cần điền là “c”. Từ đúng là nấu cơm.

Đáp án A.

Bài 3. Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

- A. cái trời
- B. cái triều
- C. trẻ chung
- D. trầu cau

Phương pháp giải:

Em kiểm tra từng từ xem từ nào đúng chính tả và có nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Từ viết đúng chính tả là: trầu cau

Sửa lỗi những từ viết sai chính tả: cái trời → cái chổi, cái triều → cái chiếu, trẻ chung → trẻ trung

Đáp án D.

Bài 4. Điền chữ v hoặc d vào chỗ trống?



...ấy tay

- A. d

B. v

Phương pháp giải:

Em dựa vào hình ảnh xác định nghĩa của cụm từ cần điền.

Lời giải chi tiết:

Chữ cần điền là “v”. Từ đúng là vẫy tay.

Đáp án B.

Bài 5. Em hãy chọn từ viết đúng chính tả dưới đây:

A. giọt xương

B. suất hiện

C. tóc xoắn

D. sáu xí

Phương pháp giải:

Em kiểm tra từng từ xem từ nào đúng chính tả và có nghĩa.

Lời giải chi tiết:

Từ viết đúng chính tả là: tóc xoắn

Sửa lỗi những từ viết sai chính tả: giọt xương → giọt sương, suất hiện → xuất hiện, sáu xí → sáu xỉ

Đáp án C.

Bài 6. Em hãy gạch chân vào từ viết đúng chính tả trong ngoặc dưới đây:

Chú chuồn chuồn ót (sau / xau) khi khoác lên mình bộ cánh (xinh / sinh) đẹp đã bay đi (ngao / nghao) du khắp nơi: đến những hồ nước (trong / chong) veo vói hai bờ cây xanh thắm, đến những cánh đồng mênh mông với những đàn (châu / trâu) thung thăng gặm cỏ, những dòng sông với những (đoàn / đàn) thuyền ngược xuôi.

Phương pháp giải:

Em xác định nghĩa của cụm từ hoặc câu để chọn từ phù hợp.

Lời giải chi tiết:

Chú chuồn chuồn ớt **sau** khi khoác lên mình bộ cánh **xinh** đẹp đã bay đi **ngao** du khắp nơi: đến những hồ nước **trong** veo với hai bờ cây xanh thắm, đến những cánh đồng mênh mông với những đàn **trâu** thung thẳm gặm cỏ, những dòng sông với những **đoàn** thuyền ngược xuôi.

Bài 7. Điền vào chỗ chấm l hay n:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
...on xanh ...ước biếc như tranh hoạ đồ.

Phương pháp giải:

Em thử điền l và n và chọn trường hợp đúng nhất.

Lời giải chi tiết:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh **n**ước biếc như tranh hoạ đồ.

Bài 8. Điền dấu hỏi hay dấu ngã vào những chữ in đậm trong câu sau cho thích hợp:

Hằng ngày, các bạn **tre** cần năng tập thể dục, tắm **rửa** sạch **se đê** cho thân **thê** được **khoe** mạnh.

Phương pháp giải:

Em xác định nghĩa của câu để chọn dấu hỏi hoặc ngã phù hợp.

Lời giải chi tiết:

Hằng ngày, các bạn **trẻ** cần năng tập thể dục, tắm **rửa** sạch **sẽ đê** cho thân **thể** được **khỏe** mạnh.

Bài 9. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào từng chỗ trống để tạo từ:

a) ngày, mấn, hoa, mặc. (mai, may)

b) xe, nhà, gà, móc. (mái, máy)

Phương pháp giải:

Em xác định nghĩa của từng cụm từ để chọn "mai" hoặc "may", "mái" hoặc "máy".

Lời giải chi tiết:

a) ngày **mai**, **may** mấn, hoa **mai**, **may** mặc.

b) xe **máy**, **mái** nhà, gà **mái**, **máy** móc.

Bài 10.

a) Viết họ và tên 2 người bạn thân của em:

b) Viết lại tên trường em đang học:

Phương pháp giải:

Em viết hoa chữ cái đầu của tên bạn thân và tên trường.

Lời giải chi tiết:

a) Nguyễn Minh Anh, Trần Hà Vy.

b) Trường Tiểu học Nguyễn Trãi.